

Vinh Long, ngày 21 tháng 02 năm 2024

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ LÀM VIỆC NHẬT BẢN

1. NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
2	Công nghệ sinh học	7420201_NB	25	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao			
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y-Sinh			
3	Công nghệ thực phẩm	7540101_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_NB	25	
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_NB	25	
6	Công nghệ chế tạo máy	7510202_NB	25	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_NB	45	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_NB	25	
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_NB	70	
Tổng cộng			290	

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Đủ điều kiện sức khỏe tuyển chọn đầu vào: Không viêm gan B, không béo phì, không mắc các bệnh truyền nhiễm, không hình xăm;
- Vượt qua vòng phỏng vấn đầu vào do Công ty thay mặt nhà tuyển dụng phỏng vấn;
- Ký cam kết tuân thủ quy định, kỷ luật trong quá trình tham gia khóa học.

3. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ: Từ 15/2/2024.

Dự kiến các đợt xét: 15/3/2024; 15/4/2024; 15/5/2024; 15/6/2024 và đợt bổ sung (nếu có)

4. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Xét tuyển.

4.1 Phương thức 1:

Chỉ tiêu xét tuyển cho phương thức này từ 25% đến 30%

- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi THPT năm 2024;
- Xét tuyển từ kết quả thi THPT quốc gia hoặc THPT các năm trước;

a) Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Xét tuyển từ kết quả điểm thi THPT năm 2024 hoặc từ kết quả thi THPT quốc gia; THPT các năm trước. Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT.

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm THPT}_{\text{môn 1}} + \text{Điểm THPT}_{\text{môn 2}} + \text{Điểm THPT}_{\text{môn 3}} + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$$

Trong đó

ĐXT: điểm xét tuyển;

Điểm THPT_{môn 1, môn 2, môn 3}: là điểm thi THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển;

Điểm_{ưu tiên}: Được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2 Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ)

a) Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 18.0 điểm của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12).

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và có tổng điểm trung bình của 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển **đạt từ 18.0 điểm trở lên**. Điểm ưu tiên cộng vào xét tuyển những thí sinh đạt ngưỡng đầu vào xét tuyển theo quy định.

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển theo học bạ THPT

$$X_t = \sum_{i=1}^3 M_i + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$$

Trong đó:

- X_t : Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- M_i : Điểm trung bình 5 học kỳ (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12) của môn thứ i , tính theo công thức:

$$M_i = \frac{\text{HK1L10} + \text{HK2L10} + \text{HK1L11} + \text{HK2L11} + \text{HK1L12}}{5}$$

+ HK1, HK2: học kỳ 1, học kỳ 2

+ L10, L11, L12: lớp 10, lớp 11, lớp 12

- Điểm_{ưu tiên}: Được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ví dụ: Thí sinh Nguyễn Văn B đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn: Toán, Lý, Hoá (A00)

Môn	Toán					Lý					Hóa					Điểm đăng ký xét tuyển
	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	
ĐTBmh (5HK)	7.5	7.6	7.8	7.5	8.0	7.4	7.9	8.2	8.0	8.1	6.7	7.2	7.7	8.2	8.1	7.68+
Điểm xét tuyển	$(7.5+7.6+7.8+7.5+8.0)/5=7.68$					$(7.4+7.9+8.2+8.0+8.1)/5=7.92$					$(6.7+7.2+7.7+8.2+8.1)/5=7.58$					7.92+7.58=23.18

4.3. Phương thức 3: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng

Chỉ tiêu cho phương thức này từ 15% đến 20%

a) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long cho các đối tượng sau:

- **Đối tượng thứ 1:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024; Học lực đạt loại giỏi cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 bậc THPT và hạnh kiểm cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 đạt loại khá trở lên; Riêng học sinh trường THPT chuyên học lực và hạnh kiểm đạt loại khá trở lên cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

- **Đối tượng thứ 2:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và đạt giải nhất, nhì, ba học sinh giỏi cấp tỉnh một trong các môn Toán, Văn, Lý, Hoá, Sinh, Tiếng Anh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh.

Đối với phương thức tuyển thẳng thí sinh được chọn tất cả các ngành, được ưu tiên xét miễn học phí.

4.4. Phương thức 4: Xét tuyển của kỳ thi đánh giá năng lực:

Chỉ tiêu cho phương thức này từ 5% đến 10%

Học sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước, tham gia thi đánh giá năng lực năm 2024 đạt 50% tổng điểm đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia trong cả nước;

5. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, PHƯƠNG THỨC, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

✎ Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 1

- Xét từ kết quả kỳ thi THPT năm 2024: Thí sinh đăng ký theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét từ kết quả kỳ thi THPT các năm trước, hồ sơ gồm có:

1. Giấy chứng nhận kết quả điểm thi THPT các năm trước;
2. Phiếu đăng ký xét tuyển;
3. Bằng tốt nghiệp THPT thí sinh đã tốt nghiệp các năm trước (có công chứng);
4. Giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân (có công chứng);
5. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng);
6. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có).

✎ Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 2, 3 (học bạ, tuyển thẳng) gồm có:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển <http://vlute.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024/>
2. Học bạ THPT (có công chứng);
3. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (có công chứng, có thể nộp bổ sung sau khi được cấp) hoặc Bằng tốt nghiệp THPT có công chứng (nếu tốt nghiệp các năm trước);
4. Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (có công chứng);
5. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng)
6. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có);

✎ Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 4 (đánh giá năng lực) gồm có:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển <http://vlute.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024/>
2. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (có công chứng, có thể nộp bổ sung sau khi được cấp) hoặc Bằng tốt nghiệp THPT có công chứng (nếu tốt nghiệp các năm trước);
3. Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (có công chứng);
4. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng)
5. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có);
6. Phiếu điểm thi đánh giá năng lực (có công chứng, nếu xét phương thức 4).

✎ Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các phương thức sau:

1. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh
2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm tư vấn tuyển sinh của trường
3. Đăng ký xét tuyển online theo địa chỉ <http://tuyensinh.vlute.edu.vn/dangky>

☛ Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tư vấn tuyển sinh của trường Đại học SPKT Vĩnh Long

Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại liên lạc: **02703862456, 02703820203** Email: tuyensinh@vlute.edu.vn;

Website: <http://vlute.edu.vn>

6. MỨC HỌC PHÍ

6.1. Mức thu học phí học tiếng Nhật:

	Cấp độ đào tạo	Học phí	Thời gian đóng phí					
			HK 1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6
N5	Sơ cấp 1	3.000.000	o					
	Sơ cấp 2	3.000.000		o				
N4	Sơ cấp 3	3.000.000			o			
	Sơ cấp 4	3.000.000				o		
N3	Trung cấp 1	3.600.000					o	
	Trung cấp 2	3.600.000						o

6.2. Mức học phí các học phần khác:

- Học phí: 540.000đ/1TC.
- Học phí học kỳ I: 11.040.000 đồng (kể cả tiếng Nhật).

7. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

7. 1. Giai đoạn 1: Đào tạo tại Đại học SPKT Vĩnh Long.

a. Yêu cầu đào tạo:

- Đào tạo chuyên môn trình độ đại học theo yêu cầu tuyển dụng;
- Đào tạo Tiếng Nhật (N4/N3);
- Đào tạo kỹ năng nghề, tác phong làm việc trong môi trường Nhật Bản;
- Đào tạo định hướng mục tiêu và kế hoạch tiếp thu kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, văn hóa Nhật Bản;
- Đào tạo kỹ năng sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong kỹ thuật đặc thù chuyên ngành;
- Khởi rèn luyện thể lực.

b. Tiêu chuẩn đầu ra giai đoạn 1 để đủ điều kiện đi làm việc tại Nhật Bản.

- Tốt nghiệp Đại học do Trường Đại học SPKT Vĩnh Long cấp bằng kỹ sư;
- Có chứng chỉ N4/N3 (JLPT/ hoặc Natest)
- Tham gia $\geq 90\%$ giờ học theo thời gian quy định của toàn khóa học;
- Đạt điểm ý thức, tác phong, kỷ luật học tập $\geq 70\%$ điểm;
- Tới thời điểm ra trường sinh viên đủ điều kiện sức khỏe đi làm việc tại Nhật Bản (theo kết quả khám sức khỏe của bệnh viện đủ điều kiện, chức năng khám sức khỏe cho người đi làm việc học tập ở nước ngoài).

7.2 Giai đoạn 2: Trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm tại Nhật Bản

Stt	Nội dung học hỏi và tích lũy kinh nghiệm	Mục tiêu	Nơi học/ trải nghiệm
1	Chuyên môn kỹ thuật	Có kỹ năng chuyên môn Kinh nghiệm kỹ thuật	Nhà máy/DN Nhật Bản
2	Tiếng Nhật/ Hiểu văn hóa Nhật Bản	N3/N2/N1, hiểu văn hóa Nhật Bản trong công việc, giao tiếp, kinh doanh	Nhà máy/DN Nhật Bản/Xã hội Nhật Bản/ Tự học
3	Kỹ năng quản lý	Có kiến thức về các công cụ quản lý như: Kaizen, 5S, QC, QA, PDCA, Horenso, và kinh nghiệm vận hành phương pháp quản lý hiệu quả	Nhà máy/DN Nhật Bản/ đào tạo bởi Cty khi về nước

Stt	Nội dung học hỏi và tích lũy kinh nghiệm	Mục tiêu	Nơi học/ trải nghiệm
4	Kỹ năng làm việc	Hiểu và biết vận dụng những nguyên tắc, kỹ năng, tác phong làm việc trong môi trường Nhật Bản	Nhà máy/DN Nhật Bản/ Xã hội Nhật Bản
5	Phát triển quan hệ	Có các mối quan hệ với các cá nhân, đối tác, doanh nghiệp Nhật Bản	Nhà máy/DN Nhật Bản/ Xã hội Nhật Bản

8. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH:

8.1. Chính sách hoàn trả học phí cho sinh viên khi tốt nghiệp đậu phỏng vấn nhà tuyển dụng Nhật Bản:

a) Sinh viên hoàn thành khóa học, đã đóng học phí **cấp độ N5** và đã đậu phỏng vấn nhà tuyển dụng Nhật Bản thì được **hoàn trả 80% học phí**. Tiền hoàn trả sẽ được miễn trừ vào học phí chương trình làm việc tại Nhật Bản.

b) Sinh viên hoàn thành khóa học, đã đóng học phí **cấp độ N5&N4**, đã đậu phỏng vấn nhà tuyển dụng Nhật Bản thì được **hoàn trả 80% học phí**. Tiền hoàn trả sẽ được miễn trừ vào học phí chương trình làm việc tại Nhật Bản.

c) Sinh viên hoàn thành khóa học, đã đóng học phí **cấp độ N5&N4&N3**, đã đậu phỏng vấn nhà tuyển dụng Nhật Bản thì được **hoàn trả 80% học phí**. Tiền hoàn trả sẽ được miễn trừ vào học phí chương trình làm việc tại Nhật Bản.

8.2. Học phí và chi phí phải cử Sinh viên tốt nghiệp đi làm việc tại Nhật Bản:

- Tổng học phí đào tạo và phí dịch vụ phải cử đi làm việc tại Nhật Bản: **90.000.000 đồng/sinh viên** (bao gồm toàn bộ các chi phí đào tạo tiếng Nhật theo đặc thù chương trình việc làm tại Nhật Bản, đào tạo kỹ năng làm việc, Visa, Giới thiệu việc làm, Phỏng vấn, vé máy bay đi Nhật);

- Thời điểm thu phí: Sau khi sinh viên đã tốt nghiệp Kỹ sư, chính thức tham gia chương trình làm việc tại Nhật Bản do Công ty tổ chức./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi Nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Hội đồng tuyển sinh (để thực hiện);
- Lưu: KT và ĐBCLGD.



PGS.TS. Lao Hùng Phi